

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Đề án quy hoạch chung xây dựng xã Kỳ Hải,
huyện Kỳ Anh giai đoạn đến năm 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KỶ ANH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 6 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ ban hành về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng, hướng dẫn về Quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng, ban hành Tiêu chuẩn Quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi bổ sung một số Điều của Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019;

Căn cứ các Văn bản số 474/SXD-KTQH ngày 09/3/2020 của Sở xây dựng về việc Hướng dẫn tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã; số 3820/SXD-

QHHT5 ngày 30/12/2020 của Sở Xây dựng về việc tổ chức rà soát, lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các xã và lập quy hoạch vùng huyện;

Căn cứ Quyết định số 2986/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 của UBND huyện Kỳ Anh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Kỳ Hải; Các Quyết định điều chỉnh: Số 848/QĐ-UBND ngày 11/5/2012; số 8100/QĐ-UBND ngày 07/10/2014; số 6658/QĐ-UBND ngày 22/9/2016.

Căn cứ Văn bản số 1430/UBND-KT&HT ngày 23/9/2021 của UBND huyện Kỳ Anh về việc chủ trương lập Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Kỳ Hải giai đoạn đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 25/03/2022 của UBND huyện Kỳ Anh về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Kỳ Hải.

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 129/TĐ-KTHT ngày 29/8/2022; của UBND xã Kỳ Hải tại Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 05/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Kỳ Hải, huyện Kỳ Anh giai đoạn đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án, phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch:

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Kỳ Hải, huyện Kỳ Anh giai đoạn đến năm 2030.

1.2. Phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch:

- Khu vực quy hoạch chung xây dựng xã là toàn bộ địa giới hành chính xã Kỳ Hải, với diện tích tự nhiên 753,03 ha.

- Phạm vi ranh giới được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp: Xã Kỳ Thọ;

+ Phía Tây giáp: Xã Kỳ Thu, xã Kỳ Châu;

+ Phía Đông giáp: Xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh;

+ Phía Nam giáp: Xã Kỳ Hà và phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Kỳ Hải.

3. Nhà thầu lập quy hoạch: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tiến Hòa.

4. Mục tiêu quy hoạch, tính chất khu vực lập quy hoạch.

4.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế, xã hội của huyện Kỳ Anh nói chung và xã Kỳ Hải nói riêng trong giai đoạn 2021-2030;

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch ngành trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã gắn với tái cơ cấu các ngành cấp huyện, cấp vùng và cấp tỉnh. Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng công trình công cộng và các quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã, làm cơ sở để hướng dẫn quản lý trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và

hoạch định các chính sách phát triển, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển sản xuất,... và hệ thống các công trình chuyên ngành.

- Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Xây dựng mô hình tổ chức không gian, hình thành các khu chức năng đáp ứng các nhu cầu phát triển và khai thác quỹ đất của xã.

- Định hướng phát triển không gian, liên kết các khu chức năng trong xã, các xã trong huyện.

- Hoàn thiện, kết nối cơ sở hạ tầng kỹ thuật của xã (giao thông, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải và vệ sinh môi trường); xây dựng, cải tạo công trình, cảnh quan đáp ứng các chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới nâng cao.

- Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, chính sách quản lý quy hoạch và kiến trúc đô thị và các giải pháp thực hiện đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Kỳ Hải, huyện Kỳ Anh đến năm 2030.

- Bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị truyền thống, làm động lực cho sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

4.2. Tính chất, chức năng chủ đạo:

- Là khu vực có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của xã Kỳ Hải cũng như của huyện Kỳ Anh.

- Kinh tế chủ yếu phát triển sản xuất nông nghiệp với các mô hình sản xuất, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản; phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp, du lịch và nhu cầu đời sống xã hội.

5. Quy mô dân số.

- Hiện trạng năm 2021: 4.204 người;

- Đến năm 2025: 4.454 người;

- Đến năm 2030: 4.708 người.

- Lao động: Lực lượng lao động khá dồi dào, lực lượng lao động trẻ chiếm tỷ lệ tương đối lớn, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho quá trình phát triển của xã.

6. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

6.1. Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn.

TT	Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m²/người)
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	25
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
4	Cây xanh công cộng	2

6.2. Quy định về quy mô tối thiểu của các công trình công cộng, dịch vụ.

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
1. Trụ sở UBND xã			
Trụ sở UBND xã	1 điểm/xã	1000 m ²	
2. Giáo dục			
Trường mầm non	50 chỗ/1.000 dân	12 m ² /chỗ	2km
Trường tiểu học	65 chỗ/1.000 dân	10 m ² /chỗ	2km
Trường trung học cơ sở	55 chỗ/1.000 dân	10 m ² /chỗ	
3. Y tế			
Trạm y tế xã	1 trạm/xã	1.000 m ² /trạm	
4. Văn hóa, thể thao công cộng			
Cụm công trình, sân bãi thể thao		5.000 m ² /cụm	
5. Cửa hàng dịch vụ			
Cửa hàng dịch vụ trung tâm	1 công trình/khu trung tâm	300 m ²	
6. Điểm phục vụ bưu chính viễn thông			
Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông	1 điểm/xã	150 m ² /điểm	

7. Cơ cấu phân khu chức năng:

+ Khu dân cư trung tâm: Thôn Thượng Hải, bố trí dân cư tập trung theo Trục thôn TT-02; trục thôn TT-04 và các công cộng cấp xã, quy mô dân số năm 2025 khoảng 1029 người và năm 2030 khoảng 1076 người.

+ Khu dân cư thứ 1: Thôn Nam Hải, bố trí dọc theo đường Liên xã LX-13 và đường Trục thôn TT-3, quy mô dân số năm 2025 khoảng 1.054 người và năm 2030 khoảng 1.103 người.

+ Khu dân cư thứ 2: Thôn Trung Hải, bố trí dọc theo đường tỉnh lộ ĐT-555, và đường trục thôn TT-05, quy mô dân số năm 2025 khoảng 797 người và năm 2030 khoảng 833 người.

+ Khu dân cư thứ 3: Thôn Bắc Hải, bố trí dọc theo đường Trục thôn TT-1 và đường trục xã TX-02, quy mô dân số năm 2025 khoảng 742 người và năm 2030 khoảng 775 người.

+ Khu dân cư thứ 4: Thôn Bắc Sơn Hải, bố trí dọc theo Đường trục thôn TT-01, đường TX-01, quy mô dân số năm 2025 khoảng 795 người và năm 2030 khoảng 832 người.

8. Định hướng tổ chức không gian toàn xã:

8.1. Định hướng tổ chức không gian.

a) Tổ chức không gian tổng thể:

Tổng thể không gian xã Kỳ Hải được tổ chức có hệ thống, đáp ứng nhu cầu tối ưu hóa các diện tích sử dụng thông qua việc bố trí hợp lý không gian khu trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất;

- Khu trung tâm là nơi tập trung các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật;

- Các khu dân cư tạo được sự hài hòa giữa khu dân cư hiện hữu và khu dân cư phát triển mới;

- Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn được lồng ghép trong các chức năng khác như: Khu thương mại - dịch vụ, Khu sản xuất kinh doanh, khu Trung tâm hành chính xã...

b) Tổ chức không gian khu trung tâm:

Khu trung tâm xã có vị trí tại các thôn Thượng Hải, được kết nối với các thôn khác trên địa bàn xã theo đường Liên xã LX-10, trục xã TX-02, trục xã TX-01, đường tỉnh lộ ĐT-555, là nơi tập trung các công trình công cộng như: Trụ sở làm việc UBND xã, trường Tiểu học và Trung học cơ sở, Trường mầm non, Trạm y tế, Khu thể thao, Khu thương mại dịch vụ...

c) Tổ chức không gian các khu dân cư:

- Các khu chức năng trọng điểm dân cư nông thôn bao gồm:

+ Khu ở (Nhà ở và các công trình phục vụ trong thôn)

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Các công trình công cộng (sân thể thao, nhà văn hóa, công viên cây xanh..) bố trí xen kẽ trong các khu dân cư để tạo cảnh quan, phục vụ nhu cầu hoạt động cộng đồng của người dân.

- Đối với các công trình xây dựng mới phải phù hợp với cảnh quan xung quanh nhằm tạo ra sự hài hòa giữa không gian mới và cũ.

- Trồng cây xanh dọc theo các tuyến giao thông trục chính kết nối các khu quan trọng nhằm tăng cảnh quan cho các tuyến đường.

8.2. Vị trí, quy mô các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã:

a) Công trình trụ sở hành chính.

- Trụ sở làm việc HĐND, UBND xã: Vị trí theo tuyến đường trục xã TX-01, thôn Thượng Hải, diện tích đất 0,39ha.

- Trụ sở làm việc công an xã: Vị trí thôn Thượng Hải, diện tích đất 0,10ha.

- Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã: Vị trí thôn Thượng Hải, diện tích đất 0,10ha.

b) Công trình y tế: Vị trí thôn Thượng Hải, diện tích đất 0,16ha.

c) Công trình văn hóa, thể thao.

- Bru điện xã: Vị trí thôn Thượng Hải, diện tích 0,2ha.

- Nhà văn hóa thôn Thượng Hải: Vị trí thôn Thượng Hải, diện tích 0,12ha.

- Nhà văn hóa thôn Nam Hải: Vị trí thôn Nam Hải, diện tích 0,12ha.

- Nhà văn hóa thôn Trung Hải: Vị trí thôn Trung Hải, diện tích 0,16ha.

- Nhà văn hóa thôn Bắc Hải: Vị trí thôn Bắc Hải, diện tích 0,21ha.

- Nhà văn hóa thôn Bắc Sơn Hải: Vị trí thôn Bắc Sơn Hải, diện tích 0,29ha.

- Khu thể thao xã: Vị trí thôn Thượng Hải, diện tích 1,74ha.
- Sân thể thao thôn Nam Hải: Vị trí thôn Nam Hải, diện tích 0,57ha.
- Sân thể thao thôn Trung Hải: Vị trí thôn Trung Hải, diện tích 0,52ha.
- Sân thể thao thôn Bắc Hải: Vị trí thôn Bắc Hải, diện tích 0,59ha.
- Sân thể thao thôn Bắc Sơn Hải: Vị trí thôn Bắc Sơn Hải, diện tích 0,23ha.

d) Công trình giáo dục:

- Trường Mầm non: Vị trí thôn Thượng Hải, diện tích 0,57ha.
- Trường Tiểu học, Trung học Cơ Sở: Vị trí thôn Thượng Hải, diện tích 1,04ha.

đ) Công trình thương mại, dịch vụ:

- Khu thương mại dịch vụ: Vị trí tại các thôn Nam Hải, Thượng Hải, Trung Hải với tổng diện tích 11,40ha.

e) Công trình sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

- Khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại các thôn Thượng Hải, Trung Hải với diện tích 3,18ha.

8.3. Chỉ tiêu hình thức đất ở, kiến trúc:

a) Khu vực nhà ở dân cư:

- Đối với các khu vực đã có quy hoạch chi tiết thì quản lý cốt tim đường, cốt vỉa hè, cốt san nền, cốt nền nhà, tầng cao nhà, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng... theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt;
- Đối với các khu vực chưa có quy hoạch chi tiết thì quy định cụ thể như sau:
 - + Mật độ xây dựng không quá 70%.
 - + Tầng cao 1-5 tầng.

b) Khu xây dựng các công trình công cộng, thương mại dịch vụ, sản xuất kinh doanh:

Việc xây dựng phải thực hiện phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan nhưng phải đảm bảo điều kiện.

- + Mật độ xây dựng không quá 60%.
- + Tầng cao 1-5 tầng.

8.4. Tổ chức các khu vực sản xuất:

- Không gian sản xuất của xã được bố trí trên tổng thể quy hoạch, theo đó phần đất nông nghiệp được tổ chức theo 2 dạng, tập trung và phân tán.

+ Phần đất nông nghiệp tập trung chủ yếu là ở các khu vực rừng sản xuất, khu vực đất trồng cây hàng năm, đất trồng lúa, đất nuôi trồng thủy sản...diện tích lớn.

+ Phần đất nông nghiệp phân tán trong các khu dân cư hiện hữu.

9. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất xã Kỳ Hải đến năm 2030.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch năm 2030		Diện tích tăng (+), (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng diện tích tự nhiên toàn xã		753,03	100,0	
1	Đất nông nghiệp	NNP	472,97	62,81	
1,1	Đất trồng lúa	LUA	213,89	28,40	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>176,60</i>	<i>23,45</i>	
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	<i>LUK</i>	<i>37,29</i>	<i>4,95</i>	
1,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	40,69	5,40	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	39,63	5,26	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	15,82	2,10	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	143,07	19,00	
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	19,86	2,64	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	274,50	36,45	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,10	0,01	
2.2	Đất an ninh	CAN	0,10	0,01	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	
2,4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	
2,5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11,50	1,53	
2,6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,18	0,42	
2,7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	
2,8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-	-	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	155,60	20,66	
	<i>Trong đó:</i>			-	
-	Đất giao thông	DGT	91,39	12,14	
-	Đất thủy lợi	DTL	40,92	5,43	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,06	0,01	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,16	0,02	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3,09	0,41	

-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	6,40	0,85	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,05	0,01	
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,20	0,03	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-	-	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,10	0,01	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-	-	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	13,24	1,76	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	-	-	
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	
-	Đất chợ	DCH	-	-	
2,1	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	
2,11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,11	0,15	
2,12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	-	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	71,66	9,52	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	-	-	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,39	0,05	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	-	-	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	
2.18	Đất tin ngưỡng	TIN	1,02	0,14	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	28,95	3,84	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,88	0,12	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5,56	0,74	

9. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã.

9.1. Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại: Các tuyến đường chính gồm Đường tỉnh ĐT-555 được cập nhật theo định hướng quy hoạch vùng huyện;

b) Giao thông đối nội:

- Đường trục xã, liên xã: Quy hoạch chiều rộng nền đường từ 7,5m÷ 9m; mặt đường 5m.

- Đường trục thôn, liên thôn: Quy hoạch 03 loại đường:

- + Loại 1: Chiều rộng nền đường 7m; mặt đường 3,5m.
- + Loại 2: Chiều rộng nền đường 6m; mặt đường 3,5m.
- + Loại 3: Chiều rộng nền đường 5m; mặt đường 3,5m.
- Đường ngõ xóm: Quy hoạch chiều rộng nền đường 5m; mặt đường 3m.
- Đường trục chính nội đồng: Quy hoạch chiều rộng nền đường 5m; mặt đường 3,0m.

9.2. Quy hoạch san nền:

- Khu dân cư hiện hữu: Cơ bản cao độ được giữ nguyên, trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng mới cần san nền phù hợp với cao độ các công trình lân cận tránh gây ngập úng cục bộ.

- Các khu vực phát triển mới: Cần phải tính toán cao độ có giải pháp kết nối hạ tầng phù hợp hoặc thiết kế cao độ san nền phù hợp với cao độ dân cư hiện trạng nhưng phải đảm bảo không để xảy ra ngập úng.

9.3. Quy hoạch thoát nước:

- Thoát nước đối với khu dân cư hiện có: Xây dựng cải tạo hệ thống thoát nước chung hiện có, hệ thống thoát nước 2 bên đường.

- Thoát nước đối với khu vực xây dựng mới: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng.

- Khu vực nội đồng tiêu nước động lực; nước mặt tập trung về kênh tiêu.

9.4. Cấp nước:

- Nước sinh hoạt hiện nay đang sử dụng chủ yếu nguồn nước ngầm thông qua hệ thống giếng khoan, giếng đào. Trong tương lai khi có hệ thống Nhà máy nước sạch của huyện hoặc có chủ trương nguồn nước sạch của thị xã Kỳ Anh sẽ bổ sung quy hoạch hệ thống đường ống cấp nước sạch cho các hộ dân.

9.5. Cấp điện:

Toàn xã quy hoạch 04 trạm biến áp 10/0,4KV với tổng công suất 750kVA (tại 4 thôn: Thượng Hải 1: 250kVA, Thượng Hải 2: 150kVA, Bắc Hải 2: 200kVA, Trung Hải: 150kVA) cấp điện cho các hộ dân trong xã và các khu vực sản xuất.

Bảng thống kê hiện trạng trạm biến áp

STT	Tên trạm biến áp	Vị trí đặt trạm	Công suất (KVA)	Ghi chú
1	Trạm TBA Thượng Hải 1	Thôn Thượng Hải	250 KVA	
2	Trạm TBA Thượng Hải 2	Thôn Thượng Hải	150 KVA	
3	Trạm TBA Bắc Hải 2	Thôn Bắc Hải	200 KVA	
4	Trạm TBA Trung Hải	Thôn Trung Hải	150 KVA	
	Tổng		750 VA	

+ Trạm điện hạ thế và hệ thống lưới điện trong khu vực đông dân cư nông thôn phải đảm bảo hành lang và khoảng cách bảo vệ theo quy định.

9.4. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang toàn xã và vệ sinh môi trường.

- Thoát nước thải: Hiện tại trên địa bàn xã Kỳ Hải chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, vì vậy nước thải được xử lý trực tiếp tại các hộ gia đình, khu vực sản xuất, chăn nuôi... trước khi đưa ra môi trường. Bố trí hệ thống mương thoát nước thải trong khu dân cư và hai bên các tuyến đường, theo hệ thống thoát nước mặt.

- Quản lý chất thải rắn: Trong kỳ quy hoạch sẽ không bố trí điểm tập kết rác tập trung mà sẽ chọn hình thức thu gom trực tiếp tại các hộ gia đình và chuyển trực tiếp đến Nhà máy xử lý rác thải.

- Nghĩa trang: Hiện trạng toàn xã 04 nghĩa trang, gồm Nghĩa trang Nam Hải, Nghĩa trang Thượng Hải, Nghĩa trang Bắc Hải, Nghĩa trang Trung Hải, với tổng diện tích đất là 10,41 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sẽ mở rộng nghĩa trang Nam Hải, Nghĩa trang Thượng Hải; giữ nguyên quy mô Nghĩa trang Bắc Hải, Nghĩa trang Trung Hải và sẽ tiến hành xây dựng, chỉnh trang để đảm bảo yêu cầu sử dụng, cảnh quan môi trường.

TT	Tên nghĩa trang	Diện tích (ha)	Quy hoạch
1	Nghĩa trang Nam Hải	3,61	Mở rộng, chỉnh trang
2	Nghĩa trang Thượng Hải	3,51	Mở rộng, chỉnh trang
3	Nghĩa trang Bắc Hải	1,46	Chỉnh trang
4	Nghĩa trang Trung Hải	2,89	Chỉnh trang
Tổng số		11,47	

9.5. Thông tin liên lạc:

- Điểm bưu điện xã giữ nguyên theo hiện trạng, nâng cấp trang thiết bị nhằm phục vụ nhu cầu cộng đồng.

- Truyền thanh được bố trí trong Khu trung tâm văn hóa của xã, đầu tư xây dựng hệ thống truyền thanh vô tuyến đến tất cả các thôn.

- Khuyến khích phát triển hệ thống hạ tầng thông tin phục vụ người dân.

(Nội dung chi tiết có bản vẽ quy hoạch và thuyết minh báo cáo tổng hợp kèm theo)

10. Ưu tiên phát triển và đầu tư.

- Nâng cấp hệ thống hạ tầng cơ sở trên địa bàn toàn xã: Đường tỉnh ĐT-555, Đường liên xã LX-10, LX-13 kết nối xã Kỳ Hải với các xã Kỳ Hà, Kỳ Châu, Kỳ Thư, Phường Trí Hưng, đường trục xã TX-01, TX-02, đường đầu mối phục vụ sản xuất; các công trình hạ tầng xã hội như hệ thống cây xanh, khu thể dục thể thao xã; cơ sở vật chất các trường học, nhà văn hóa, sân thể dục thể thao, khu vui chơi tại các thôn...

11. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện.

11.1. Tiến độ:

Danh mục, trình tự triển khai lập các quy hoạch xây dựng từng cấp độ theo kế hoạch 10 năm, 5 năm và hàng năm; danh mục và thứ tự đầu tư các dự án hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở các giai đoạn quy hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm. Phù hợp với Kế hoạch, khả năng cân đối nguồn vốn của UBND xã Kỳ Hải và UBND huyện Kỳ Anh.

11.2. Giải pháp tổ chức thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội của xã giai đoạn trung hạn 5 năm (2022 - 2025) và tầm nhìn đến năm 2030. Triển khai quy hoạch thông qua các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm;

- Đối với nhóm dự án hạ tầng xã hội, an sinh xã hội sử dụng vốn ngân sách.

- Nhóm dự án hạ tầng kỹ thuật trong khu dân cư như giao thông ngõ xóm...thực hiện chủ trương xã hội hóa Nhà nước và nhân dân cùng làm.

- Đối với nhóm dự án phát triển như hạng mục sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ có thể kêu gọi các nhà đầu tư, tư nhân tham gia thực hiện..

Điều 2. Phê duyệt kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Kỳ Hải giai đoạn đến năm 2030 **gồm 3 Chương 14 Điều** (có Quy định quản lý kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Giao UBND xã Kỳ Hải tổ chức công bố công khai nội dung đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Kỳ Hải để các tổ chức, cơ quan có liên quan và nhân dân biết, thực hiện; chịu trách nhiệm về công tác quản lý và thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã theo đúng nội dung được duyệt của Quyết định này và các quy định của pháp luật;

Các phòng, ban, ngành huyện theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, quản lý thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 6658/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh về việc phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Kỳ Hải.

Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND xã Kỳ Hải và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT./.

TM. ỦY BAN BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Thị Vân Anh

